

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Phá sản số 21/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 05/2010/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật phá sản đối với các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng như sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng (trừ Ngân hàng hợp tác xã và Quỹ tín dụng nhân dân).

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (sau đây gọi tắt là văn phòng đại diện).
4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện.
5. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này những từ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định là:
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng về việc chấm dứt hoạt động tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng và pháp luật hiện hành;
 - b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định của ngân hàng mẹ về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng mẹ và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam;
 - c) Cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng về việc chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
2. Chủ sở hữu là:
 - a) Các cổ đông (đối với tổ chức tín dụng thành lập dưới hình thức công ty cổ phần);
 - b) Thành viên tham gia góp vốn (đối với tổ chức tín dụng được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn);
 - c) Ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);
 - d) Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (đối với văn phòng đại diện).
3. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh là Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện đặt trụ sở chính.
4. Ủy ban nhân dân là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện đặt trụ sở chính.

5. Giấy phép bao gồm Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước cấp. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.

6. Ngân hàng mẹ là ngân hàng nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam hoặc có chi nhánh hoạt động tại Việt Nam.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép; Giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước giám sát quá trình thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này.

Điều 5. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ

1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được cơ quan có thẩm quyền chứng thực theo quy định của pháp luật.

2. Đối với tổ chức tín dụng, văn bản đề nghị thu hồi Giấy phép do người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng ký. Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức tín dụng khuyết người đại diện theo pháp luật, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên cử một thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên ký văn bản này.

3. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện, văn bản đề nghị thu hồi Giấy phép do người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu ký.

4. Hồ sơ được gửi tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bằng một trong các hình thức: gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện.

Điều 6. Nguyên tắc áp dụng quy định về thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Trường hợp tổ chức tín dụng bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định của pháp luật về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tín dụng.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng phá sản, Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép ngay sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng vẫn lâm vào tình trạng phá sản. Việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

3. Các trường hợp khác, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Các hành vi bị cấm trong quá trình thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông qua việc thu hồi Giấy phép (đối với trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị thu hồi Giấy phép) hoặc Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấm dứt hoạt động (đối với trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép), nghiêm cấm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

1. Cất giấu, tẩu tán tài sản;
2. Thanh toán nợ không có bảo đảm;
3. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
4. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm bằng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
5. Tặng, cho, cầm cố, thế chấp và cho thuê tài sản;
6. Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện chấm dứt hoạt động;
7. Chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

Thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện

Điều 8. Quy trình thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị thu hồi Giấy phép

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:

- Xây dựng Phương án thanh lý. Phương án thanh lý phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua.

- Lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng).

b) Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và có văn bản lấy ý kiến của:

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh về:

(i) Thực trạng tổ chức và hoạt động và khả năng thanh toán hết nợ;

(ii) Quan điểm về việc thu hồi Giấy phép, kiến nghị các biện pháp xử lý sau khi thu hồi Giấy phép;

(iii) Danh sách Hội đồng thanh lý;

(iv) Trường hợp đồng ý việc thu hồi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh cử cán bộ tham gia Tổ giám sát thanh lý theo qui định tại Thông tư này.

- Ủy ban nhân dân về:

(i) Ảnh hưởng của việc thu hồi Giấy phép đối với sự ổn định kinh tế xã hội trên địa bàn; và

(ii) Quan điểm về việc thu hồi Giấy phép.

- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về:

(i) Thực trạng tổ chức và hoạt động và khả năng thanh toán hết nợ;

(ii) Tình hình nộp phí Bảo hiểm tiền gửi và số dư tiền gửi được bảo hiểm theo bảng tính phí gần nhất; khả năng nguồn vốn chi trả bảo hiểm và hướng bổ sung nguồn vốn chi trả khi cần thiết;

(iii) Quan điểm về việc thu hồi Giấy phép, kiến nghị các phương thức chi trả tiền gửi được bảo hiểm sau khi thu hồi Giấy phép;

(iv) Ảnh hưởng của việc thu hồi Giấy phép đối với quyền lợi của người gửi tiền, đối với sự an toàn của hệ thống ngân hàng.

- Các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước về quan điểm thu hồi Giấy phép và kiến nghị các biện pháp xử lý sau khi thu hồi Giấy phép (nếu xét thấy cần thiết).

c) Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị trên đây phải có

văn bản tham gia ý kiến về các nội dung đã được đề nghị, gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng. Quá thời hạn này, các đơn vị không có ý kiến coi như đồng ý việc thu hồi Giấy phép.

d) Trong thời hạn tối đa mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng tổng hợp ý kiến, đề xuất quan điểm, trình Thống đốc:

- Ra quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiến hành thanh lý tài sản; đồng thời thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý tài sản khi xét thấy phương án thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chứng minh được khả năng thanh toán hết nợ và đảm bảo quyền lợi cho khách nợ, chủ nợ; hoặc

- Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu có).

đ) Trong thời hạn tối đa mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, đề xuất ý kiến, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này.

e) Trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thống đốc xem xét, quyết định đề nghị của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều này.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị yêu cầu thu hồi Giấy phép:

a) Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, hoặc đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có tờ trình, đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấm dứt hoạt động và yêu cầu tiến hành xây dựng phương án thanh lý tài sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

b) Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu chấm dứt hoạt động, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng xong phương án thanh lý tài sản kèm hồ sơ thu hồi Giấy phép quy định tại Điều 9 Thông tư này trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định.

c) Sau khi nhận được hồ sơ thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện quy trình thu hồi Giấy phép theo quy định tại Khoản 1 Điều này (trừ Điểm a).

Điều 9. Hồ sơ thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Văn bản đề nghị thu hồi Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị thu hồi Giấy phép, khả năng thanh toán hết nợ và các biện pháp xử lý sau khi thu hồi giấy phép, danh sách dự kiến thành viên Hội đồng thanh lý (trừ trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị yêu cầu thu hồi Giấy phép).

2. Phương án thanh lý tài sản, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung:

a) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

b) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của chủ sở hữu (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

c) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (đối với tổ chức tín dụng); Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

d) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của các thành viên Hội đồng thanh lý.

đ) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) đến thời điểm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chủ động đề nghị hoặc bị yêu cầu thu hồi Giấy phép; trong đó, phải xác định rõ khả năng thanh toán các khoản nợ.

e) Lý do của việc đề nghị hoặc bị yêu cầu thu hồi Giấy phép.

g) Danh sách cổ đông lớn (đối với tổ chức tín dụng cổ phần) hoặc chủ sở hữu (đối với các tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

h) Kế hoạch xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nêu rõ kế hoạch chuyển vốn, lợi nhuận và tài sản ra nước ngoài.

i) Phương án lưu trữ hồ sơ, tài liệu sau khi thu hồi Giấy phép.

k) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình thu hồi Giấy phép.

l) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình thanh lý tài sản.

3. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định thông qua việc thu hồi Giấy phép và phương án thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Đối với trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 28 Luật các tổ chức tín dụng, hồ sơ

phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính về việc giải thể, phá sản hoặc thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động.

5. Đối với trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị thu hồi Giấy phép theo yêu cầu của ngân hàng mẹ, hồ sơ phải có Quyết định của ngân hàng mẹ về việc giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

6. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài đến thời điểm đề nghị hoặc bị yêu cầu thu hồi Giấy phép.

Điều 10. Quy trình thu hồi Giấy phép đối với văn phòng đại diện

1. Trường hợp văn phòng đại diện đề nghị thu hồi Giấy phép

a) Văn phòng đại diện phải:

- Lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định về việc thu hồi Giấy phép.

- Lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng).

b) Trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và có văn bản lấy ý kiến của:

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh về việc thu hồi Giấy phép, kiến nghị các biện pháp xử lý sau khi thu hồi Giấy phép.

- Các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước về việc thu hồi Giấy phép và kiến nghị các biện pháp xử lý sau khi thu hồi Giấy phép (nếu xét thấy cần thiết).

c) Trong thời hạn tối đa bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị trên đây phải có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung đã được đề nghị, gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng. Quá thời hạn này, các đơn vị không có ý kiến coi như đồng ý việc thu hồi Giấy phép.

d) Trong thời hạn tối đa bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng tổng hợp ý kiến, đề xuất quan điểm, trình Thống đốc:

- Ra quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện tiến hành các thủ tục để chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện như hoàn trả giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu, thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật; hoặc

- Có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu có).

đ) Trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giải trình của văn phòng đại diện, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, đề xuất ý kiến, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này.

e) Trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thống đốc xem xét, quyết định đề nghị của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều này.

g) Trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi Giấy phép của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, văn phòng đại diện phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động.

2. Trường hợp văn phòng đại diện bị yêu cầu thu hồi Giấy phép:

a) Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, hoặc đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có tờ trình, đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có Quyết định thu hồi Giấy phép đối với văn phòng đại diện.

b) Trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi Giấy phép của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, văn phòng đại diện phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động.

Điều 11. Hồ sơ thu hồi Giấy phép đối với văn phòng đại diện

1. Văn bản đề nghị thu hồi Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị thu hồi Giấy phép, việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu sau khi bị thu hồi Giấy phép, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình thu hồi Giấy phép.

2. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép đối với văn phòng đại diện.

3. Đối với trường hợp văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy phép theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 28 Luật các tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Thông tư này.

4. Đối với trường hợp văn phòng đại diện đề nghị thu hồi Giấy phép theo yêu cầu của chủ sở hữu, hồ sơ phải có Quyết định của chủ sở hữu về việc giải thể, chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện.

Điều 12. Công bố Quyết định thu hồi Giấy phép

1. Quyết định thu hồi Giấy phép được gửi đến tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ủy ban

nhân dân, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Hiệp hội ngân hàng, Bộ Tài chính.

2. Trong thời hạn tối đa bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước và ba (03) số liên tiếp trên một tờ báo giấy có số phát hành hàng ngày, phát hành trên toàn quốc về việc thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện.

3. Trong thời hạn tối đa bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện có trách nhiệm niêm yết Quyết định thu hồi Giấy phép tại trụ sở chính và trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng; trụ sở chính của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện.

Mục 2

Thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước

Điều 13. Quy trình thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tiến hành thanh lý tài sản theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thanh lý, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện các thủ tục kết thúc thanh lý theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

3. Trong thời hạn tối đa mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kết thúc thanh lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có tờ trình, đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ra Quyết định kết thúc thanh lý hoặc có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý. Quyết định kết thúc thanh lý đồng thời là Quyết định chấm dứt hoạt động của Tổ giám sát thanh lý.

4. Trong thời hạn tối đa mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định kết thúc thanh lý của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải tiến hành các thủ tục chấm dứt tư cách pháp nhân và đăng bố cáo theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Thời hạn thanh lý

1. Thời hạn thanh lý là mười hai (12) tháng kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực. Quá thời hạn này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa kết thúc thanh lý, phải có văn bản trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước gia hạn thời gian thanh lý (văn bản đề nghị phải nêu rõ lý do đề nghị gia hạn); thời gian được gia hạn thanh lý mỗi lần không quá mười hai (12) tháng; số lần gia hạn không quá ba (03) lần.

2. Trước ngày kết thúc thời hạn thanh lý ba mươi (30) ngày, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), trong đó phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản nêu trên, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 15. Kết thúc thanh lý

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kết thúc thanh lý trong những trường hợp sau:

a) Đã thanh toán hết các khoản nợ cho các chủ nợ theo quy định tại Điều 16 và Khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

b) Được tổ chức tín dụng khác mua lại và chấp thuận thanh toán hết các khoản nợ cho các chủ nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

c) Không có khả năng thanh toán đủ nợ cho các chủ nợ.

d) Hết thời hạn thanh lý theo quy định, kể cả thời gian gia hạn (nếu có).

2. Khi kết thúc thanh lý theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này, Hội đồng thanh lý phải có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đề nghị cho kết thúc thanh lý.

3. Khi kết thúc thanh lý theo quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này, Hội đồng thanh lý phải có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị cho kết thúc thanh lý để tiến hành các thủ tục phá sản theo quy định.

Điều 16. Hoàn trả lại tài sản

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt đã được Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác cho vay đặc biệt, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hỗ trợ tài chính phải hoàn trả lại giá trị của các khoản vay (hỗ trợ) này trước khi thực hiện quy định tại Điều 17 Thông tư này.

Điều 17. Thứ tự phân chia tài sản

1. Việc phân chia giá trị tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thứ tự sau đây:

a) Các khoản lệ phí, chi phí theo quy định của pháp luật cho việc giải quyết thanh lý tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

c) Các khoản nợ thuế.

d) Các khoản chi trả cho người gửi tiền của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các khoản tiền gửi của người gửi tiền.

đ) Các khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản thế chấp hoặc cầm cố: Các khoản nợ này được ưu tiên thanh toán bằng chính tài sản thế chấp hoặc cầm cố đó. Nếu giá trị tài sản thế chấp hoặc cầm cố không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; nếu giá trị của tài sản thế chấp hoặc cầm cố lớn hơn số nợ thì phần chênh lệch được nhập vào giá trị tài sản còn lại của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Các chủ nợ này có quyền thoả thuận với nhau về tỷ lệ thanh toán nợ nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

e) Các khoản nợ không có bảo đảm: phải trả cho các chủ nợ trong danh sách chủ nợ theo nguyên tắc nếu giá trị tài sản đủ để thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ đều được thanh toán đủ số nợ của mình; nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ chỉ được thanh toán một phần khoản nợ của mình theo tỷ lệ tương ứng. Các chủ nợ này có quyền thoả thuận với nhau về tỷ lệ thanh toán nợ nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Trường hợp giá trị tài sản của tổ chức tín dụng sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại Khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại được chia đều cho các chủ sở hữu theo tỷ lệ góp vốn tại thời điểm thực hiện việc phân chia tài sản.

3. Trường hợp giá trị tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại Khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại do chủ sở hữu quản lý.

Điều 18. Hội đồng thanh lý

1. Đối với tổ chức tín dụng:

a) Hội đồng thanh lý do Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng đề nghị và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định, gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, tối thiểu 01 thành viên

Hội đồng quản trị độc lập (đối với tổ chức tín dụng cổ phần), Trường Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và một số thành viên khác được lựa chọn trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát (nếu có), cổ đông lớn (đối với tổ chức tín dụng cổ phần) và 05 khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị thu hồi Giấy phép hoặc thời điểm Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu chấm dứt hoạt động.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tổ chức họp để bầu một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên còn lại để đảm nhiệm chức danh này.

2. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Hội đồng thanh lý do đại diện có thẩm quyền của ngân hàng mẹ đề nghị và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định, gồm: Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, tối thiểu một (01) thành viên do chủ sở hữu chỉ định và năm (05) khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị thu hồi Giấy phép hoặc thời điểm Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu chấm dứt hoạt động.

b) Tổng Giám đốc chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Trường hợp khuyết Tổng Giám đốc, ngân hàng mẹ chỉ định một người trong số các thành viên Hội đồng thanh lý để đảm nhiệm chức danh này.

Điều 19. Trách nhiệm của Hội đồng thanh lý

1. Rà soát toàn bộ các khoản mục của tài sản có và tài sản nợ, các khoản mục ngoại bảng của bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, lập danh sách và số tiền của các chủ nợ, khách nợ đến thời điểm thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và danh mục tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để xử lý.

2. Triển khai thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tìm mọi biện pháp để thu hồi nợ và các tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phương án thanh lý đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Mọi khoản thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được sử dụng để thanh toán cho các chủ nợ theo qui định tại Điều 16 và Điều 17 Thông tư này.

3. Định kỳ ngày mùng năm (05) hàng tháng, Hội đồng thanh lý có trách nhiệm báo cáo Tổ giám sát thanh lý việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phương án thanh lý đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4. Sau khi kết thúc thanh lý, Hội đồng thanh lý có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân và Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh đề nghị Skết thúc thanh lý theo quy định tại Thông tư này.

Mục 3

Giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Điều 20. Cơ cấu tổ chức của Tổ Giám sát thanh lý

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc thành lập Tổ giám sát thanh lý để giám sát việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chỉ định Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý và quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và các thành viên Tổ Giám sát thanh lý.

2. Tổ giám sát thanh lý có tối thiểu năm (05) thành viên, gồm đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và đại diện Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

3. Trong trường hợp cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thể chỉ định một tổ chức tín dụng khác tham gia giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng và thành viên tham gia Tổ giám sát thanh lý do Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng đề nghị đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 21. Cơ chế hoạt động của Tổ giám sát thanh lý

1. Các thành viên Tổ giám sát thanh lý làm việc theo cơ chế kiêm nhiệm.

2. Tổ giám sát thanh lý sử dụng con dấu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong các văn bản, báo cáo do Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý ký.

3. Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý và các thành viên chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi nhiệm vụ của mình.

4. Phiên họp của Tổ giám sát thanh lý chỉ được tiến hành khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 tổng số thành viên. Các quyết định của Tổ giám sát thanh lý chỉ được thông qua khi có sự đồng ý của đa số thành viên có mặt tại cuộc họp. Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyền quyết định thuộc về Tổ trưởng.

5. Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Thống đốc có quyết định kết thúc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

6. Chi phí liên quan đến hoạt động của Tổ giám sát thanh lý do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chi trả. Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.

Điều 22. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Tổ giám sát thanh lý

1. Là cán bộ tại các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh; Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; hoặc là cán bộ của tổ chức tín dụng khác được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chỉ định tham gia Tổ giám sát thanh lý.

2. Có bằng Đại học hoặc trên đại học chuyên ngành tài chính ngân hàng và có ít nhất 3 năm công tác trong ngành ngân hàng hoặc bảo hiểm tiền gửi.

3. Không phải là chủ sở hữu, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng thanh lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thanh lý tài sản.

4. Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý là Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh hoặc người được Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh uỷ quyền.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ giám sát thanh lý

1. Chỉ đạo, giám sát tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kiểm kê toàn bộ công nợ, các khoản phải thu, phải trả; yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mời các chủ nợ, khách nợ đến đối chiếu để xác định khả năng thanh toán và nguồn trả nợ.

2. Yêu cầu Hội đồng thanh lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về thực trạng tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình thanh lý tài sản, thực hiện việc chi trả cho các chủ nợ theo đúng thứ tự ưu tiên theo quy định tại Thông tư này.

3. Giám sát toàn bộ quá trình thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Báo cáo định kỳ mùng mười (10) hàng tháng hoặc đột xuất gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về diễn biến quá trình thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong trường hợp cần thiết có văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan hỗ trợ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi các khoản phải thu, xử lý các khách hàng cố tình làm thất thoát tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

5. Được quyền đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh có quyết định đình chỉ hoạt động của những thành viên Hội đồng thanh lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thanh lý, cố ý vi phạm luật pháp hoặc không thực hiện theo kế hoạch thanh lý hoặc có hành vi tẩu tán tài sản, từ chối trách nhiệm, nghĩa vụ; trường hợp nghiêm trọng, trình Thống đốc có văn bản yêu cầu các cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý các cá nhân sai phạm (nếu có).

6. Kiến nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền.

7. Tổ giám sát thanh lý chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh nơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.

8. Báo cáo việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện phương án phân chia tài sản gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

9. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, tổ chức giám sát thanh lý có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt thanh lý và yêu cầu tổ chức tín dụng nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh nước ngoài, văn phòng đại diện

1. Cung cấp đầy đủ, trung thực toàn bộ thực trạng về tổ chức và hoạt động tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện.

2. Thực hiện chế độ báo cáo và các quy định khác liên quan việc thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đúng quy định tại Thông tư này.

Điều 25. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính

1. Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng theo qui định tại Điều 28 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Xử lý các kiến nghị về những vấn đề phát sinh liên quan đến quá trình thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ngoài thẩm quyền của Tổ giám sát thanh lý.

3. Có văn bản tham gia ý kiến về đề nghị của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này.

4. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền liên quan đến quá trình thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

5. Cử cán bộ tham gia Tổ giám sát thanh lý theo quy định tại Thông tư này.

Điều 26. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tín dụng đặt chi nhánh

Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính và Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 27. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Trên cơ sở kết quả thanh tra, giám sát hoặc đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện hoặc đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh hoặc đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, xét thấy tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện có hành vi vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an toàn hệ thống, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng làm đầu mối thẩm định hồ sơ, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện.

2. Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc thành lập Tổ giám sát thanh lý, xử lý các khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản.

3. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan đến việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp xét thấy cần thiết.

4. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thành lập Hội đồng thanh lý.

5. Trình Thống đốc ra quyết định kết thúc thanh lý.

6. Trình Thống đốc ra quyết định kết thúc thanh lý và yêu cầu tổ chức tín dụng nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 156 Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 28. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

Có ý kiến về những vấn đề pháp lý liên quan đến quá trình thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 29. Trách nhiệm của Văn phòng Ngân hàng Nhà nước

Công bố Quyết định thu hồi Giấy phép theo quy định tại Thông tư này.

Điều 30. Trách nhiệm của các Vụ, Cục khác

Các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước có văn bản tham gia ý kiến về đề nghị của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ~~11~~./~~12~~./2011.
2. Quyết định số 45/1999/QĐ-NHNN5 ngày 05/2/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng cổ phần Việt Nam và việc thanh lý tổ chức tín dụng cổ phần dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực thi hành.
3. Khoản 40, Khoản 41, Khoản 71, Khoản 72, Khoản 73 Thông tư số 03/2007/TT-NHNN ngày 5/6/2007 Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 22/2006/NĐ-CP ngày 28/02/2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam hết hiệu lực thi hành.

Điều 32. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng; Tổng Giám đốc chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này. ↗

Nơi nhận:

- Như Điều 32;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư Pháp);
- Lưu VP, TTGSNH (5).


THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



TRẦN MINH TUẤN